

## **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**Tên học phần: Kế toán tài chính**

**Mã học phần: 000628**

### **1. Thông tin về học phần**

**Số tín chỉ: 3** Tổng số tiết quy chuẩn: 45

**Phân bổ thời gian:**

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

**Loại học phần: Bắt buộc**

**Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán**

**Học phần học song hành: Không**

**Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt  Tiếng Anh:**

**Đơn vị phụ trách: Bộ môn Kế toán tài chính**

### **2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Bộ môn Kế toán Tài chính

### **3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

#### **\* Về kiến thức**

MT1: Trang bị cho sinh viên hệ thống lí luận cơ bản về kế toán tài chính đã được áp dụng tại Việt Nam.

MT2: Hiểu được các nội dung cơ bản của hệ thống kế toán tài chính nói chung và các quy định cụ thể của kế toán Việt Nam hiện nay nói riêng.

MT3: Giúp cho sinh viên nắm bắt được những kiến thức cơ bản về hệ thống kế toán trong các doanh nghiệp theo nhiều cấp độ khác nhau.

#### **• Về kỹ năng**

MT4: Kỹ năng phân tích, hiểu rõ tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp.

MT5: Kỹ năng phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung Vốn bằng tiền tại doanh nghiệp.

MT6: Kỹ năng phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung các khoản phải thu tại doanh nghiệp

MT7: Kỹ năng phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung hàng tồn kho tại doanh nghiệp.

MT8: Kỹ năng phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung tài sản cố định doanh nghiệp.

MT9: Kỹ năng phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung tiền lương và các khoản trích theo lương tại doanh nghiệp.

• **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT10: Có khả năng làm việc độc lập, xử lý và giải quyết tình huống, làm việc nhóm thông qua thuyết trình và giải bài tập, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT11: Nhận thức tầm quan trọng của các phân hành kế toán trong doanh nghiệp.

**5. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT							
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
	Kế toán tài chính	2	2	2	3	3	2	2	1
		PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16
		2	3	3	1	1	2	1	2

**6. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1 MT2 MT3 MT4	CO1	Hiểu và nhận thức được sự cần thiết của công tác tổ chức kế toán trong doanh nghiệp.	PO1, PO2, PO3
MT1 MT2 MT3 MT5	CO2	Phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung Vốn bằng tiền tại doanh nghiệp	PO1, PO2, PO4, PO5, PO6
MT1 MT2 MT3 MT6	CO3	Phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung các khoản phải thu tại doanh nghiệp	PO6, PO7, PO9, PO10, PO11, PO12
MT1 MT2 MT3 MT7	CO4	Phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung hàng tồn kho tại doanh nghiệp.	PO6, PO7, PO9, PO10, PO11, PO12
MT1 MT2 MT3 MT8	CO5	Phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến nội dung tài sản cố định doanh nghiệp.	PO6, PO7, PO9, PO10, PO11, PO12
MT1 MT2		Phân tích, hiểu rõ phương pháp, trình tự hạch toán các	PO1, PO4, PO5,

MT3 MT9	CO6	ng nghiệp vụ liên quan đến nội dung tiền lương và các khoản trích theo lương tại doanh nghiệp.	PO7, PO9, PO10, PO11, PO12
<b>Kỹ năng</b>			
MT10 MT11	CO7	Vận dụng được kiến thức về các nội dung trong học phần để xử lý công việc thực tế trong doanh nghiệp.	PO6, PO7, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT10 MT11	CO8	Nhận thức tầm quan trọng của các nội dung công việc kế toán.	PO6, PO7, PO9, PO10, PO11, PO12, PO15, PO16

#### 4. Nội dung tóm tắt của học phần

Hiểu rõ về các nghiệp vụ, phương pháp, trình tự hạch toán và nhiệm vụ của kế toán viên đối với các phần hành kế toán trong doanh nghiệp cũng như biết cách định khoản các đối tượng kế toán liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với học phần này, sinh viên nắm được những kiến thức về kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản phải thu, kế toán hàng tồn kho, kế toán TSCĐ, kế toán tiền lương và tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp. Ngoài ra môn học này còn giúp sinh viên có thể tự tin đảm trách được một số phần hành kế toán tương ứng.

#### 5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

#### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

## 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5 5
2	Thuyết trình nhóm, bài tập cá nhân	15	Chất lượng của buổi thuyết trình, giải các bài tập tại lớp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài tập kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi tự luận kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

## 10. Học liệu

### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Hồ Thị Khánh Thành. Giáo trình Kế toán tài chính. 2017. Thư viện Đại học Nam Cần Thơ

### 10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Trần Xuân Nam. 2015. Kế toán tài chính. Tập 1. NXB Tài Chính. [657.48 N104.T1]

[3] Trần Xuân Nam. 2015. Kế toán tài chính. Tập 2. NXB Tài Chính. [657.48 N104.T2]

[4] Võ Văn Nhị. 2016. Bài tập kế toán tài chính. NXB Kinh Tế Tp. HCM. [657.4 Nh300]

## 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<b>Tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp</b>		
<b>1</b>	- Nhiệm vụ tổ chức công tác kế toán - Nội dung của tổ chức công tác kế toán	[2] Chương 1. Tr 7-30. [1]Chương1. Tr 1-22.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	<b>Kế toán vốn bằng tiền trong DN</b>		
<b>2-5</b>	- Kế toán tiền mặt - Kế toán tiền gửi ngân hàng - Kế toán tiền đang chuyển - Kế toán ngoại tệ	[2] Chương 2. Trang 31-50. [1] Chương 2. Trang 23-55.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	<b>Kế toán các khoản phải thu và ứng trước</b>		
<b>6-7</b>	- Kế toán Thanh toán với người mua - Kế toán Thuế GTGT được khấu trừ - Kế toán Các khoản phải thu khác - Kế toán Tạm ứng - Kế toán Chi phí trả trước - Kế toán Thế chấp, cầm cố, ký quỹ, ký cược - Kế toán Dự phòng phải thu khó đòi	[2] Chương 3. Trang 51-90. [1] Chương 3. Trang 55-94.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	<b>Kế toán các loại hàng tồn kho trong DN</b>		

<b>8-10</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế toán Nguyên vật liệu</li> <li>- Kế toán công cụ dụng cụ</li> <li>- Kế toán thành phẩm</li> <li>- Kế toán hàng gửi bán đại lý</li> <li>- Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho</li> </ul>	<p>[2] Chương 4. Trang 91-137.</p> <p>[1] Chương 4. Trang 95-134.</p>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>		
	<b>Kế toán Tài sản cố định trong DN</b>		
<b>11-13</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng quát về tài sản cố định</li> <li>- Hạch toán ban đầu và sổ sách kế toán về TSCĐ</li> <li>- Kế toán TSCĐ đi thuê</li> <li>- Kế toán khấu hao TSCĐ</li> <li>- Kế toán sửa chữa, nâng cấp TSCĐ</li> </ul>	<p>[2] Chương 5 Trang 138-195.</p> <p>[1] Chương 5. Trang 135-180.</p>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	<b>Kế toán tiền lương, trích theo lương và tình hình thanh toán với người lao động</b>		
<b>14-15</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ý nghĩa, nhiệm vụ của kế toán tiền lương</li> <li>- Các hình thức tiền lương</li> <li>- Quỹ tiền lương, quỹ BHXH, quỹ BHYT, kinh phí công đoàn, BHTN</li> <li>- Phương pháp kế toán</li> </ul>	<p>[2] Chương 6. Trang 285-302.</p> <p>[1] Chương 6. Trang 181-199.</p>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

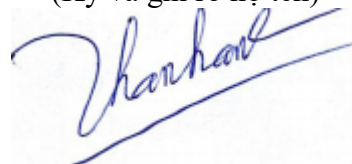
## 12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

Cần Thơ, ngày 06 tháng 8 năm 2018

**P. TRƯỞNG BỘ MÔN**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**ThS. Trần Trung Chuyển**

**TRƯỞNG KHOA**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**PGS.TS. Nguyễn Tri Khiêm**

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký tên, đóng dấu)



**NGND.GS.TS. Võ Tông Xuân**